

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2015 là năm diễn ra sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng, đó là năm diễn ra Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Khắp nơi trong cả nước đều có những hoạt động thiết thực chào mừng sự kiện trọng đại này. Bởi tại Đại hội sẽ đưa ra những quyết sách quan trọng cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đưa đất nước Việt Nam phát triển lên một tầm cao mới, tự tin sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Hòa trong không khí của cả nước, Hội thi Tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử Đồng Nai năm nay có nội dung tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai với 3 câu hỏi dự thi theo tôi vô cùng ý nghĩa. Câu thứ nhất hỏi **“Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội và nêu mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội”** sẽ khuyến khích người dân tìm hiểu về lịch sử của Đảng bộ tỉnh, từ đó nhìn thấy những mục tiêu, quyết sách quan trọng của Đảng bộ qua các thời kỳ đã góp phần đưa Đồng Nai ngày càng vững mạnh, cuộc sống của người dân được ấm no, hạnh phúc. Câu thứ hai hỏi **“Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất? Vì sao?”** giúp người dự thi tìm hiểu sâu và kỹ lưỡng để thấy được chủ trương đúng đắn của Đảng, từ đó thêm tự hào và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đối với câu thứ ba là **“Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất)”** thể hiện quan điểm của Đảng là luôn muốn lắng nghe ý kiến đóng góp của người dân để có sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt và đúng đắn, hợp lòng dân.

Đây thực sự là những câu hỏi rất hay, ý nghĩa, vì thế tôi quyết định tham gia dự thi với mong muốn hiểu biết sâu hơn nữa về lịch sử vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, đồng thời có cơ hội bày tỏ những suy nghĩ, trăn trở của mình về một số khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực tôi quan tâm. Những ý kiến, suy nghĩ của mình chỉ là những đóng góp rất nhỏ, có thể do trình độ còn hạn chế nên còn có những thiếu sót

hoặc chưa đúng chính xác nhưng tôi hy vọng sẽ góp một chút nhỏ trong việc xây dựng tỉnh nhà ngày càng vững mạnh hơn.

Qua đây, tôi cũng bày tỏ lời cảm ơn đối với Ban tổ chức Hội thi đã tạo cơ hội cho chúng tôi được học hỏi, hiểu biết thêm và góp sức cùng chính quyền trong xây dựng và phát triển tỉnh nhà.

Câu 1: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua bao nhiêu kỳ Đại hội? Hãy nêu mục tiêu tổng quát qua các kỳ Đại hội?

Trả lời:

Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ tỉnh Đồng Nai đã trải qua 10 kỳ Đại hội.
Cụ thể:

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ I: Vòng 1 tiến hành từ ngày 11 đến 21-11-1976. Tham dự có 420 đại biểu, gồm 367 đại biểu nam, 52 đại biểu nữ, có 11 đại biểu dân tộc thiểu số, đại diện cho 6.810 đảng viên của 17 Đảng bộ huyện, thành phố, 7 Đảng bộ trực thuộc và 509 chi bộ, Đảng bộ cơ sở. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ I (1976–1978) gồm 41 đồng chí (có 2 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Bạch Tuyết được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 13 đồng chí đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng.



Sau Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ IV của Đảng, từ ngày 6 đến ngày 10-4-1977 tại thành phố Biên Hoà, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng 2) được tổ chức. Đại hội nhận định sau hơn một năm kể từ ngày giải phóng, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ Đồng Nai đã lãnh đạo nhân dân khắc phục khó khăn, giành được thắng lợi một số mặt về khô

phục, phát triển kinh tế, văn hoá, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, đưa tình hình của tỉnh phát triển hoà nhịp chung với sự phát triển chung của cả nước..

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (nông, lâm, ngư nghiệp), từng bước xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh nông – công nghiệp giàu mạnh; cải tiến công tác phân phối lưu thông; hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đẩy mạnh cải tạo đối với nông nghiệp; phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội, từng bước xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, quét sạch tàn dư văn hoá nô dịch, thực dân mới; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; Nắm vững và không ngừng củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy hiệu lực của chính quyền; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hoá, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt).

2. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần

thứ II: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II họp từ ngày 10 đến ngày 12-7-1979 tại thành phố Biên Hoà. Tham dự Đại hội có 401 đại biểu đại diện cho trên 8.000 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã kiểm điểm,



tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, đề ra nhiệm vụ, phương hướng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2 (1976–1980). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá II) gồm 43 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu lại làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Ra sức ổn định và đảm bảo đời sống nhân dân, đảm bảo cho mọi người có công ăn việc làm; Làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới; Tăng cường quốc phòng và an ninh chính trị, bảo vệ Tổ quốc, kịp thời ngăn chặn mọi âm mưu hành động phá rối, bọ loạn, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trong mọi tình huống; Hoàn thành cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành công, nông, thương, lâm, ngư nghiệp, phát triển sản xuất, phục vụ đời sống, tăng thu nhập cho nhân dân; Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phát huy các thế mạnh của địa phương, đáp ứng yêu cầu trước mắt đồng thời chuẩn bị cho những năm tới. Ưu tiên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và chế biến lương thực, thực phẩm; Ra sức xây dựng cơ sở gắn liền với xây dựng cấp huyện, kiện toàn cấp tỉnh, đảm bảo phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể, cải tiến một bước về quản lý và tổ chức kinh tế, quản lý đời sống nhân dân, chống mọi biểu hiện tham ô, móc ngoặc, cửa quyền.

3. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ III: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ III được tiến hành 02 vòng. Vòng 01, Đại hội bắt đầu từ ngày 07 đến ngày 16-01-1982. Tham dự Đại hội có 423 đại biểu (có 02 đại biểu do Trung ương cử về). Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đại hội đã cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Báo cáo chính trị, đặc biệt nhất trí cao về việc khẳng định đường lối chung cũng như đường lối kinh tế của dự thảo văn kiện. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V của Đảng gồm 11 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1983, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (vòng 2) được tiến hành. Tham dự Đại hội có 418 đại biểu chính thức đại diện cho gần 9.000 đảng viên của 16 Đảng bộ trực thuộc trong toàn tỉnh.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) gồm 45 uỷ viên chính thức và 01 uỷ viên dự khuyết. Trong phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) đã bầu 15 đồng chí vào Ban Thường vụ, đồng chí Lê Quang Chử được bầu làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Trung làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.



Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, dần dần ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; Tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư; Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất; Phân đấu nâng cao chất lượng và phát triển phong trào văn hóa xã hội; Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng về mọi mặt và không ngừng tăng cường quốc phòng toàn dân, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng cả nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế được giao; Tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản.

4. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ IV: được tổ chức tại thành phố Biên Hòa từ 20 đến 26-10-1986 với sự tham dự của 447 đại biểu thay mặt cho trên 12.000 đảng viên của Đảng bộ 7 huyện, 1 thị xã, 1 thành phố và 10 Đảng uỷ trực thuộc. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 45 uỷ viên chính thức và 13 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Phạm Văn Hy được Đại hội bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Đại hội cũng đã bầu ra đoàn đại biểu gồm 15 đồng chí đi dự Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ VI.



Mục tiêu tổng quát của Đại hội: “...Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế tỉnh Đồng Nai theo cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý; phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, lương thực là trọng tâm theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phát huy các mũi nhọn: Công nghiệp chế biến, nông sản xuất khẩu và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, giải quyết tích cực có hiệu quả thiết thực ba chương trình lớn về lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu. Tiếp tục nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất mới; xây dựng cơ chế quản lý mới, nhất là quản lý kinh tế mới, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở, xây dựng Đảng bộ vững mạnh mọi mặt”



5. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần

thứ V: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ V (vòng 1) tiến hành từ ngày 23 đến 25-4-1991. Tham dự có 349/350 đại biểu được bầu cử dân chủ từ Đại hội của 17 Đảng bộ trực thuộc. Đại hội đã thảo luận, đóng góp

nhiều ý kiến thiết thực vào 05 bản dự thảo văn kiện sẽ trình tại Đại hội VII của Đảng. Đại hội đã bầu 17 đại biểu chính thức, 02 đại biểu dự khuyết của Đảng bộ dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII.

Vòng 2 được tổ chức từ ngày 28-10 đến ngày 01-11-1991 với 288 đại biểu chính thức đại diện cho 14.650 đảng viên trong 15 Đảng bộ trực thuộc tỉnh dự Đại hội. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa V) gồm 47 đồng chí, bảo đảm theo tiêu chuẩn và yêu cầu về cơ cấu, đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của Đảng bộ trong tình hình mới. Trong đó, có 28 đồng chí là cấp uỷ viên khóa IV, 10 cấp uỷ viên là nữ. Đại hội bầu đồng chí Phan Văn Trang làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Bình, Trần Thị Minh Hoàng làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Mục tiêu tổng quát của Đại hội: Ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, mở rộng kinh tế đối ngoại và khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam; Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, xây dựng nông thôn mới, từng bước giải quyết lao động, giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 xuống dưới 2%; Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đoàn kết toàn dân; tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng xã hội; Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh, đảm bảo trật tự trị an toàn xã hội, thực hiện nghiêm kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị trong tỉnh.

6. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ VI: Từ ngày 02 đến ngày 04-5-1996, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VI đã được triệu tập. Tham dự Đại hội có 353 đại biểu chính thức đại diện cho trên 16.000 đảng



viên của 15 Đảng bộ trực thuộc và 670 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa VI gồm 47 đồng chí, trong đó có 09 đồng chí nữ, chiếm tỷ lệ 19,1%. Ban Chấp hành khóa VI đã họp phiên thứ nhất, bầu ra Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, bầu Uỷ ban Kiểm tra gồm 08 đồng chí. Ban Chấp

hành đã bầu đồng chí Trần Thị Minh Hoàng, nguyên Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V làm Bí thư Tỉnh uỷ. Hai đồng chí: Trần Bửu Hiền, Phó Bí thư Thường trực và Lê Hoàng Quân, Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VIII của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết đảm bảo đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý và đúng thủ tục.

Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: “Giữ gìn và tăng cường ổn định chính trị; nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách; khai thác và tận dụng mọi nguồn lực cho yêu cầu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân đầu xây dựng Đồng Nai thành một tỉnh công nghiệp phát triển, từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, tiếp tục thực hiện cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ với mức tăng trưởng cao, liên tục, bền vững để đến năm 2000 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ – nông nghiệp. Bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế liên tục, vững chắc với giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội, an ninh quốc phòng, nâng dần mức sống vật chất, tinh thần của nhân dân; góp phần cùng cả nước thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, tạo tiền đề cơ bản cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu thế kỷ XXI”.

7. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ VII: Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001– 2005) được tiến hành tại thành phố Biên Hoà trong hai ngày 28 và 29-12-2000. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VII, gồm 47 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng Quân được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII. Đồng chí Trần Đình Thành là Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Võ Văn Một là Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh. (Năm 2004, đồng chí Lê

Hoàng Quân được Trung ương phân công làm Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và đồng chí Trần Đình Thành được Trung ương bổ nhiệm làm Bí thư Tỉnh uỷ Đồng Nai khóa VII). Đại hội cũng bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng gồm 13 đại biểu chính thức và 01 đại biểu dự khuyết.



Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: Tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, giữ vững ổn định chính trị, phát huy tối đa mọi nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh phù hợp tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, góp phần tích cực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung sức phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, lợi thế ở địa phương; ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, tạo nền tảng để đến năm 2010 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ và tái tạo môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người tăng hơn 2 lần so với năm 2000, với cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hợp lý, làm giảm đáng kể tình trạng chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

8. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ VIII: Trong 3 ngày làm việc (21, 22 và 23-12-2005), Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005– 2010) đã diễn ra tại hội trường Quảng trường tỉnh. 294 đại biểu, trong đó có 250 đại biểu được bầu chọn từ 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đã về dự hội nghị. Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá VIII gồm 49 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra gồm 8 đồng chí. Đây là những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, chính trị, lối sống, có đủ năng lực và trình độ để cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, được Đảng và nhân dân tin tưởng giao trọng trách lớn lao. Đồng thời, Đại hội cũng bầu ra 14 đồng chí (13 đồng chí chính thức và 1 đồng chí dự khuyết) thay mặt cho toàn Đảng bộ Tỉnh đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.



Mục tiêu tổng quát của Đại hội là: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ hơn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Đồng Nai thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

9. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ IX: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010-2015) diễn ra trong các ngày từ 22 đến 25-9-2010 tại TP.Biên Hòa. Dự đại hội có 350 đại biểu, trong đó có 45 đại biểu đương

nhiên và 305 đại biểu được bầu từ Đại hội của 16 Đảng bộ các huyện, TX.Long Khánh, TP.Biên Hòa và các Đảng bộ tương đương đại diện cho đảng viên trong toàn tỉnh.

Chủ đề của Đại hội là: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; huy động cao độ mọi nguồn lực, xây dựng Đồng Nai phát triển thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá IX gồm 51 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí, Ủy ban Kiểm tra gồm 8 đồng chí. Đồng chí Trần Đình Thành tái đắc cử chức danh Bí thư Tỉnh ủy khoá IX.



Mục tiêu tổng quát là: Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi đôi với bảo vệ môi trường; thực hiện tốt và đồng bộ các chính sách

an sinh xã hội; nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm 2015.

10. Đại hội đại biểu Đảng bộ Đồng Nai lần thứ X: diễn ra từ ngày 28 đến 30/9/2015. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã bầu 52 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020. Đồng chí Nguyễn Phú Cường được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu chính thức tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, gồm 20 đồng chí. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, gồm 14 đồng chí.



Mục tiêu tổng quát là: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển con người toàn diện; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng an ninh; xây dựng Đồng Nai giàu mạnh, văn minh.

Câu 2: Chủ trương nào trong các kỳ Đại hội được bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Trả lời:

Trong các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, chủ trương mà tôi thấy tâm đắc nhất là xây dựng Đồng Nai thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa - hiện đại hóa vào năm

2015 được đặt ra tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010-2015.

Để thực hiện đạt chủ trương này, Đảng bộ tỉnh đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể để phát triển đồng bộ kinh tế gắn với an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nhờ có chủ trương đúng đắn nên mặc dù tình hình trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, song các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã đồng lòng, nỗ lực hết mình, thực hiện đạt hiệu quả chủ trương của Đảng bộ tỉnh. Sau 5 năm thực hiện, đến nay, Đồng Nai đã đạt được mục tiêu đề ra với nhiều kết quả nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực:



Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX đã chỉ rõ, nền kinh tế của tỉnh 5 năm qua đã phát triển đúng định hướng. Chỉ số GRDP tăng bình quân mỗi năm 12%, cao hơn so với mức tăng bình quân chung của cả nước và một số địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm nhẹ ngành công nghiệp – xây dựng và phát triển mạnh các ngành dịch vụ. Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất, đầu tư hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, đặc biệt là đầu tư các công trình trọng điểm, quan trọng, đầu tư cho nông thôn, hạ tầng đô thị đã mang lại hiệu quả đáng kể, tạo tiền đề thúc đẩy

tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội. Hoạt động tài chính tín dụng ổn định. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số nơi được ngăn chặn. Các biện pháp đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện một cách đồng bộ, tập trung đúng mức và đạt kết quả khá tích cực về giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ hộ nghèo, từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững...

Tôi xin nêu một số thành tựu nổi bật trong việc thực hiện các nhiệm vụ đột phá phát triển kinh tế, xã hội mà Đồng Nai đã đạt được trong việc thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2010-2015:

1. Thu hút đầu tư dẫn đầu cả nước

Trong 5 năm qua, thu hút đầu tư nói riêng, phát triển công nghiệp nói chung đã chuyển động mạnh mẽ theo hướng nhanh, sạch và bền vững, dù giai đoạn 2011-2015 được xem là những năm đỉnh điểm khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch - Đầu tư, hiện có 43 quốc gia, vùng lãnh thổ đầu tư vào Đồng Nai với 1.153 dự án, tổng vốn đầu tư trên 22,7 tỷ USD; trong đó, có 5 quốc gia và vùng lãnh thổ có số vốn đầu tư trên 1 tỷ USD là: Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Quần đảo Virgin thuộc Anh và Đài Loan (Trung Quốc).

Trong những năm qua, nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài đã chọn Đồng Nai là điểm đến để đầu tư các dự án lên đến hàng trăm triệu USD. Đồng Nai đang là khu vực có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Đồng Nai cũng là một trong số ít địa phương thu hút được nhiều dự án có quy mô vốn trên 100 triệu USD, như: Formosa, Vedan (Đài Loan), Hualon (Malaysia và Đài Loan), Fujitsu (Nhật Bản), tập đoàn CJ, Hyosung (Hàn Quốc), Amata (Thái Lan), Forval (Nhật Bản). Bên cạnh đó, không ít tập đoàn từ Hoa Kỳ, Singapore, Đài Loan (Trung Quốc), Dubai... cũng đã đầu tư hoặc đến tìm hiểu chính sách, ngành nghề với dự kiến sẽ đầu tư vào tỉnh.



Đồng Nai là một tỉnh đứng đầu cả nước về thu hút đầu tư nước ngoài

Về thu hút đầu tư trong nước, trong 5 năm 2011-2015, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, song vốn đầu tư trong nước vẫn tăng đều theo từng năm. Tính đến nay, toàn tỉnh có 635 dự án của các nhà đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký gần 169 ngàn tỷ đồng. Hiện tại, số dự án còn hiệu lực là khoảng 602 dự án với tổng vốn hơn 141 ngàn tỷ đồng. Các dự án mới đầu tư vào các khu công nghiệp thường triển khai khá nhanh chóng, hiệu quả.

Những năm qua, Đồng Nai là địa phương đi đầu trong cả nước về xây dựng và phát triển khu công nghiệp. Các khu công nghiệp của Đồng Nai phát triển mạnh cả về số lượng, khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài lẫn diện tích đất cho thuê. Trong đó, 3 ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh là: điện - điện tử; cơ khí; hóa chất, cao su, plastic trong giai đoạn 2011-2015 đạt mức tăng trưởng là hơn 20%. Trong đó, tổng giá trị sản xuất của những ngành công nghiệp mũi nhọn ước đạt gần 1.259 ngàn tỷ đồng. Cụ thể giá trị sản xuất năm 2015, của 3 ngành công nghiệp mũi nhọn ước sẽ tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2011.



Về phát triển cụm công nghiệp, Đồng Nai hiện có 27 cụm được quy hoạch với tổng diện tích trên 1,5 ngàn hécta, trong đó có 2 cụm hoàn thành cơ bản hạ tầng là cụm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và gốm mỹ nghệ, 1 cụm đang triển khai, 8 cụm đã có chủ đầu tư và 16 cụm chưa có chủ đầu tư. Bước đầu, UBND tỉnh đã hỗ trợ vay vốn cho một số cụm ở địa phương vùng sâu, vùng xa có điều kiện hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư.

2. Đột phá về hạ tầng

Giai đoạn 2011-2015 Đồng Nai có sự đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng nhằm nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Với những nỗ lực đầu tư trong suốt 5 năm qua, hạ tầng kỹ thuật của tỉnh đã có những thay đổi tích cực. Tổng vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng 5 năm qua là gần 10.900 tỷ đồng.

Những đột phá về hạ tầng kỹ thuật trong giai đoạn 2011-2015 của tỉnh tập trung vào các lĩnh vực chính, là: giao thông, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải cho đô thị. Đây là những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 2 năm gần đây, các nhà đầu tư nước ngoài đến tỉnh đầu tư khá đông, cùng với đó là những dự án mở rộng với số vốn khổng lồ. Tiêu biểu như Tập đoàn Hyosung đầu tư mở rộng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 tới 660 triệu USD. Thu hút đầu tư của tỉnh luôn đạt ở mức cao, là minh chứng của sự cải thiện đầu tư

về hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là kết nối đồng bộ hệ thống giao thông đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư.



Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã nhấn mạnh, giai đoạn 2011-2015, tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là “Các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực tập trung đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc; đồng thời phát triển hạ tầng nông thôn để phục vụ cho phát triển nông nghiệp nông thôn, đặc biệt các xã điểm nông thôn mới”.

5 năm qua, hàng loạt công trình giao thông quan trọng của tỉnh cũng như của Trung ương đã được đầu tư mới và nâng cấp mở rộng, như: xây dựng mới đường tránh TP.Biên Hòa, nâng cấp quốc lộ 1 đoạn Trảng Bom - Phan Thiết và quốc lộ 20, mở rộng quốc lộ 51, xây dựng cầu Đồng Nai mới, cầu vượt nút giao ngã tư Vũng Tàu, cầu vượt nút giao Amata, hầm chui Tam Hiệp, đưa vào sử dụng đường cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, đường cao tốc Bến Lức - Long Thành.

Dù khá khó khăn về nguồn vốn đầu tư nhưng tỉnh cũng đã cho triển khai khá nhiều dự án: đường 767 (từ quốc lộ 1 đi huyện Vĩnh Cửu), đường 768 (từ Biên Hòa đi trung tâm huyện Vĩnh Cửu), đường 769 (ngã tư Dầu Giây đi Cát Lái, huyện Nhơn Trạch), đường 319 (huyện Nhơn Trạch), cầu Hóa An (TP.Biên Hòa), Hương lộ 10

đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ đến giáp ranh với huyện Long Thành, cầu Hiệp Hòa (TP.Biên Hòa), đường 319 nối dài và nút giao với cao tốc TP.Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây. Các dự án chuẩn bị khởi công như: cầu An Hảo (TP.Biên Hòa), đường 25B (đoạn từ quốc lộ 51 đến đường 319), đường 765 (huyện Xuân Lộc).

Thời gian qua, việc đầu tư cho cấp nước khá mạnh theo đúng tinh thần của nghị quyết đề ra. Nhiều khu dân cư, khu công nghiệp nguồn nước sạch đã đến tận nơi, người dân và doanh nghiệp đã được sử dụng nước máy thay thế cho nước giếng.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

Bước vào hội nhập giai đoạn 2011-2015, khoa học - công nghệ là một trong những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ. Trong các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp thì khoa học - công nghệ là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu vì giúp doanh nghiệp giảm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, năng suất, chất lượng hàng hóa được nâng cao đáp ứng được các yêu cầu của thị trường.

Hiện đã có doanh nghiệp ứng dụng quản lý tiết kiệm năng lượng giảm nhiều chi phí, như: Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa (Khu công nghiệp Biên Hòa 1) tiết kiệm chi phí 1,4 tỷ đồng/năm, Công ty cổ phần công nghiệp Tung Kuang (Khu công nghiệp Biên Hòa 2) tiết kiệm 6,5 tỷ đồng/năm... các doanh nghiệp hiện nay đã quan tâm và chú ý nhiều hơn đến việc ứng dụng các máy móc, thiết bị công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm lao động. “Khoảng 2-3 năm trở lại đây, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp trong tỉnh hầu hết đều có dây chuyền máy móc hiện đại đáp ứng yêu cầu của tỉnh hướng đến sản xuất xanh.

Khoa học và công nghệ được các doanh nghiệp, đơn vị ứng dụng trên nhiều lĩnh vực, như: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Trong thời gian qua, đã có 240

doanh nghiệp được tỉnh hỗ trợ khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

4. Phát triển nhanh và đa dạng của các loại hình dịch vụ

Từ khoảng năm 2010 trở về trước, một thực tế phải chấp nhận là trong phát triển kinh tế, Đồng Nai có sự chênh lệch khá lớn do công nghiệp phát triển quá nhanh, trong khi tăng trưởng dịch vụ không cao. Nhiều loại hình dịch vụ cần thiết để đáp ứng nhu cầu, như: tài chính ngân hàng, bảo hiểm, thương mại trung và cao cấp, khách sạn, du lịch... phát triển chậm và bất tương xứng.

Có thể nói, giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn mà ngành dịch vụ Đồng Nai thực sự chuyển mình, trong đó mạnh mẽ nhất là bán lẻ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng trung bình mỗi năm 17%. Trong đó, ngoài bán lẻ hiện đại, 5 năm qua, Đồng Nai còn xây dựng mới 19 chợ, nâng số chợ truyền thống hiện nay lên 166 chợ.

Là địa bàn đặc biệt đòi hỏi hệ thống hạ tầng giao thông, vận tải thủy phát triển nhanh, mạnh để đáp ứng nhu cầu vận tải công nghiệp, Đồng Nai đã lập quy hoạch giao thông - vận tải đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó nhấn mạnh tăng cường các dự án đầu tư phục vụ dịch vụ logistics, cải tạo cảng. Hiện có 3 cảng trên sông Đồng Nai đang hoạt động, Hệ thống cảng ở Đồng Nai trong thời gian qua đã trở thành chuỗi lưu thông hàng hóa khá thuận tiện, góp phần đưa hoạt động hàng hải trong khu vực tăng tốc phát triển, khai thác dịch vụ thuộc lĩnh vực tàu vận tải trên địa bàn tỉnh đã dần liên kết được với các cảng biển Việt Nam.

Một điều đáng chú ý trong phát triển dịch vụ Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 là sớm đưa khái niệm chuỗi cung ứng an toàn thực phẩm vào thực tế. Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nhóm ngành nông - lâm - thủy sản đạt hơn 4%/năm. Đến cuối 2014, toàn tỉnh có 850/2532 trang trại được cấp giấy chứng nhận, 110 hợp tác xã nông nghiệp. Đồng Nai cũng có 5 doanh nghiệp xây dựng được dự án cánh đồng lớn cà phê, xoài, điều, mía, ca cao...

Ngoài ra, có một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao, như: mô hình chăn nuôi gà chuồng mát có hệ thống lấy phân tự động; mô hình nuôi gà đẻ trứng có hàm lượng Omega 3 cao; mô hình nuôi heo chuồng kín tại trang trại; mô hình sản xuất nấm mèo giống, nuôi trồng nấm; mô hình trồng bưởi thâm canh cho năng suất 27 tấn trái/hécta/năm...

Đáng chú ý nhất, gần đây nhiều tập đoàn lớn trong và ngoài nước, như: Vingroup, Masan, Hòa Phát... đã đến Đồng Nai đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, với ý định hình thành chuỗi sản phẩm nông nghiệp an toàn.



Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai được xây dựng mới

Về dịch vụ y tế, giai đoạn 2011-2015, cùng với sự “cởi trói” của các chính sách xã hội hóa y tế, dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh đã tăng trưởng khá mạnh mẽ. Đặc biệt năm 2015, Bệnh viện đa khoa Đồng Nai mới chính thức khánh thành và đi vào hoạt động với quy mô, trang thiết bị vào loại nhất miền Đông Nam bộ. Một số bệnh viện tư nhân, như: Shingmark, Âu Cơ, Quốc tế Đồng Nai, ITO Biên Hòa... cũng được đánh giá rất cao về mức độ đầu tư trang thiết bị, nhân lực, kỹ thuật...

5. Hình thành được các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa với quy mô lớn

Chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011-2015 đã thúc đẩy sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân. Đồng Nai đã hình thành được các vùng sản

xuất tập trung theo hướng hàng hóa với quy mô lớn; tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, có thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh, tham gia tốt vào thị trường nội địa và xuất khẩu.

Toàn tỉnh hiện có trên 172 ngàn hécta cây công nghiệp lâu năm và cây ăn trái, tập trung vào 7 loại cây trồng chủ lực, gồm: cao su, điều, cà phê, xoài, tiêu, bưởi, sầu riêng. Trong đó, một số loại cây ăn trái của Đồng Nai, như: bưởi, sầu riêng, chôm chôm... đang đứng đầu trong các tỉnh Đông Nam bộ cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Đồng Nai cũng là thủ phủ chăn nuôi của cả nước với tổng đàn gà trên 13 triệu con và tổng đàn heo trên 1,5 triệu con. Nông dân ngày càng quan tâm ứng dụng khoa học - công nghệ, sản xuất theo hướng an toàn. Chương trình sử dụng giống mới trong sản xuất đã cải tạo đưa giống mới với năng suất, chất lượng cao vào hầu hết diện tích các cây trồng chủ lực. Theo đó, hiệu quả kinh tế đối với diện tích thâm canh những cây chủ lực giai đoạn 2011-2015 tăng cao. Cụ thể, năng suất trung bình của cây xoài đạt 18 tấn/hécta, tăng hơn 9 tấn/hécta so với năng suất trung bình của cây xoài toàn tỉnh; bưởi đạt 14 tấn/hécta, tăng 2,6 tấn/hécta; sầu riêng đạt 12 tấn/hécta, tăng 4 tấn/hécta... Trong đó, có hơn 1,3 ngàn hécta diện tích được khảo sát điều kiện đất, nước để quy hoạch vùng sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả an toàn.



Đồng Nai đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa

Chương trình phát triển vật nuôi chủ lực của tỉnh cũng đã tập trung duy trì và nâng cao chất lượng đàn giống gốc để đàn thương phẩm có chất lượng cao, tăng giá trị và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đồng Nai tập trung rất đông trang trại chăn nuôi gia cầm với quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Cụ thể, một số trang trại tại Đồng Nai đang hợp tác nuôi gia công cho một công ty nước ngoài theo quy trình chăn nuôi của Nhật Bản. Nhiều nông sản của Đồng Nai đã được hỗ trợ đăng ký và cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, như: bưởi Tân Triều, xoài Phú Lý, chôm chôm, sầu riêng Long Khánh... Tiêu biểu như huyện Cẩm Mỹ được tỉnh chọn thực hiện mô hình cánh đồng lớn cho cây tiêu với diện tích khoảng 170 hecta. Bước đầu xây dựng thương hiệu cho sản phẩm tiêu an toàn, địa phương đã phát triển được hơn 10 hecta tiêu đạt chuẩn GlobalGAP. Sản phẩm này đang được DN bao tiêu cho nông dân với giá cao hơn từ 10-12 ngàn đồng/kg so với mặt bằng chung thị trường.

6. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong 2 mũi nhọn đột phá nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Chương trình đào tạo sau đại học do Sở Khoa học - công nghệ chủ trì. Qua 5 năm (2011-2015), chương trình đã chọn cử 1.604 ứng viên tham gia. Tính đến nay, đã có 696 người hoàn thành chương trình đào tạo. Số học viên đạt loại xuất sắc, giỏi được UBND tỉnh khen thưởng chiếm 33%, loại khá chiếm 60%. 5 năm qua, chương trình đào tạo sau đại học đã tuyển chọn được 13 học sinh xuất sắc, cử đi đào tạo ở nước ngoài nhằm tạo nguồn cho tỉnh.

7. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường

Theo đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT), Đồng Nai nằm trong top đầu các tỉnh, thành làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Trong 5 năm qua, môi

trường luôn được tính ưu tiên bảo vệ hàng đầu và những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao đều bị từ chối.

Hiện nay, trên toàn tỉnh có 29 khu công nghiệp (KCN) đi vào hoạt động đều có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Những KCN có lượng nước thải lớn đều phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và thường xuyên truyền dữ liệu về Sở TN&MT để theo dõi, quản lý, khi xảy ra sự cố kịp thời phát hiện khắc phục. Từ năm 2012, Sở TN-MT đã thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước thải tại các KCN định kỳ hàng tháng, đầu tư 13 trạm quan trắc tự động tại các KCN có nguồn thải lớn, kết quả có 92% các KCN xử lý nước thải đạt chuẩn, còn lại có một vài thông số chưa ổn định. Những cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bị tỉnh đưa vào “danh sách đen” để kiểm soát và đưa ra lộ trình buộc phải khắc phục xong nếu không sẽ đình chỉ hoạt động. Thời gian qua đã có 132/157 cơ sở hoàn thành việc khắc phục ô nhiễm môi trường và được cấp chứng nhận ra khỏi danh sách đen.

Hiện nay Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh có tổng nguồn vốn gần 108 tỷ đồng, tăng gần 62 tỷ đồng so với năm 2011. Quỹ Bảo vệ môi trường được thành lập nhằm hỗ trợ nguồn vốn cho các doanh nghiệp, cơ sở có nhu cầu vay vốn để đầu tư các công trình, hệ thống xử lý nước thải, khí thải, rác thải. Thời gian qua đã có 32 dự án được vay vốn để đầu tư máy móc, thiết bị và hệ thống xử lý rác thải, khí thải và nước thải.

8. Đi đầu cả nước trong xây dựng nông thôn mới

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã biểu dương Đồng Nai là tỉnh đi đầu trong xây dựng nông thôn mới của cả nước.

Tính đến nay toàn tỉnh đã có 63 xã đạt chuẩn nông thôn mới, cùng với đó sẽ có thêm 3 huyện sẽ đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2015, vượt mục tiêu đề ra. Qua 5 năm thực hiện (2011-2015), chương trình nông thôn mới đã thực sự tạo nên diện mạo mới, con người mới, sức sống mới và động lực mới cho vùng nông thôn.

Tuy là tỉnh công nghiệp nhưng Đảng bộ, chính quyền Đồng Nai luôn nhận thức sâu sắc được vị trí, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ việc xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nền tảng vững chắc cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Đồng Nai trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2015, Đảng bộ tỉnh đã đi trước trong đầu tư cho tam nông với nghị quyết “4 có”: có năng suất cao, chất lượng tốt, thị trường tiêu thụ ổn định, thu nhập cao; tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực hiện nghị quyết của trung ương và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong đó, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân là cốt lõi của chương trình nông thôn mới. Điều này được nhận thức sâu sắc của toàn hệ thống chính trị từ tỉnh đến các cấp huyện, xã. Chính vì vậy, phát triển kinh tế nông thôn được đặc biệt chú trọng, các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nói riêng và toàn tỉnh nói chung đều thực hiện rất tốt mục tiêu tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.



Đến nay, bộ mặt nông thôn Đồng Nai đã hoàn toàn khởi sắc, sáng, xanh, sạch, đẹp, đời sống người dân được cải thiện, nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh và khá bền vững, cuối năm 2015 chỉ còn dưới 1%

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính

Theo kết quả chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các bộ, ngành, địa phương mà Bộ Nội vụ vừa công bố, Đồng Nai tăng 13 bậc, từ vị trí thứ 17/63 tỉnh, thành năm 2013 vượt lên xếp thứ 4/63 tỉnh, thành vào năm 2014. Đây là kết quả đáng ghi nhận của quá trình phấn đấu, nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền Đồng Nai nhiệm kỳ 2010-2015 trong công tác CCHC - một trong 3 nhiệm vụ được Đảng bộ tỉnh xác định là nhiệm vụ đột phá để tập trung thực hiện trong nhiệm kỳ qua.



Tiếp dân tại Bộ phận một cửa điện tử

Trong đó, chính việc đưa cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại đi vào hoạt động ở 11/11 UBND cấp huyện, 139/171 UBND cấp xã, 9/20 sở đã tạo những chuyển biến trong giải quyết thủ tục hành chính. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại với trọng tâm ứng dụng công nghệ thông tin, các thiết bị hiện đại, quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ được tổ chức khoa học, bộ máy hoạt động chuyên nghiệp góp phần nâng hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí, thời gian của người dân và doanh nghiệp, góp phần tạo chuyển biến theo hướng tích cực trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân và doanh nghiệp.

....

Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X khẳng định: đối chiếu với các mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX đặt ra, Đồng Nai đã có 33/40 chủ tiêu thực hiện đạt và vượt; thực hiện đạt mục tiêu Đồng Nai cơ bản là tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Có thể nói, với những kết quả đạt được như trên là minh chứng hùng hồn nhất để khẳng định chủ trương xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa IX là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với điều kiện và yêu cầu của tỉnh cũng như tạo được sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân. Với kết quả này, tôi hoàn toàn tin tưởng Đồng Nai có cơ sở, tiền đề để hoàn thành mục tiêu cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã đề ra.

Câu 3: Đánh giá những hạn chế của ngành hoặc lĩnh vực nơi bạn đang công tác và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới (hoặc ngành và lĩnh vực mà bạn biết và quan tâm nhiều nhất).

Trả lời:

I. Những khó khăn, hạn chế của ngành khoa học và công nghệ (KH&CN)

Với bài viết này, tôi muốn chỉ ra một số những khó khăn, hạn chế mà ngành khoa học công nghệ cả nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng đều đang phải đối mặt.

1. Hạn chế đầu tiên mà tôi muốn nhắc tới là: hầu hết các kết quả nghiên cứu chưa được thương mại hóa.

TP.HCM và Đồng Nai là 2 địa phương được đánh giá có tốc độ đổi mới công nghệ và phát triển thị trường KH&CN tốt nhất trong vùng. TP.HCM đang từng bước thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, còn Đồng Nai phát triển mô hình Chợ Công nghệ và Thiết bị (Techmart) Nông thôn trên địa bàn các huyện thông qua hình thức Ngày hội ruộng đồng hàng năm. Đây là một mô hình đặc trưng và có hiệu quả

nhằm giới thiệu, phổ biến rộng rãi các thành tựu KH&CN, các ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các vùng nông thôn. Tuy nhiên, Theo ông Trần Văn Vinh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thì một khó khăn mà ngành KH&CN Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung đang gặp phải là hoạt động thương mại hóa các kết quả nghiên cứu còn ở giai đoạn khởi xướng.



Sản xuất măng cầu xiêm theo tiêu chuẩn VietGap – một trong những đề tài được ứng dụng thực tế hiệu quả tại Đồng Nai

Hàng năm, nước ta dành khoảng 2% chi ngân sách cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu đạt được phần lớn chưa thật sự đi vào sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Điều này cũng đồng nghĩa với việc những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học không được thương mại hóa dẫn tới hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta còn đạt ở mức thấp. Thương mại hóa là việc có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì thế, việc thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học đang là trọng tâm của các chính sách kinh tế tại Việt Nam.

Hiện chúng ta đang sở hữu một kho kết quả nghiên cứu, sáng chế rất lớn. Ước tính, hàng năm các tổ chức cá nhân trong nước đóng góp thêm khoảng 20.000 kết quả nghiên cứu, sáng chế. Tuy nhiên, chỉ có chưa đầy 10% kết quả nghiên cứu có tiềm năng ứng dụng thực tế, số còn lại là các nghiên cứu không phải nghiên cứu ứng dụng, hoặc những nghiên cứu chưa thiết thực với thực tế sản xuất trong nước. Ngoài ra, việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu từ các tổ chức khoa học và công nghệ vào doanh nghiệp còn rất hạn chế.

Theo TS. Nguyễn Quang Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ (KH&CN), hiện nay, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thấp. Nhìn chung, doanh nghiệp Việt Nam mới chỉ đầu tư từ 0,1 đến 0,3% doanh thu cho đổi mới công nghệ. Theo đánh giá của Bộ Công thương, hầu hết doanh nghiệp Việt Nam sử dụng công nghệ lạc hậu từ 3-4 thế hệ. Không những thế, nhận thức về đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp và các nhà quản lý khác nhau. Nhu cầu công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa được phát huy. Người Việt Nam nói chung và doanh nghiệp Việt Nam nói riêng có tâm lý “sính ngoại”, chưa tin tưởng vào kết quả nghiên cứu được tạo ra từ trong nước...Đó là những lý do mà các nghiên cứu của các nhà khoa học ở nước ta chưa được thương mại hóa.

Theo kết quả của một cuộc điều tra về thị trường công nghệ, trên 50% số doanh nghiệp trả lời có quá ít các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước cung cấp công nghệ cho thị trường và nếu có thì thường chỉ là các công nghệ nhỏ lẻ, ít tạo thành các dây chuyền công nghệ đồng bộ, đủ sức tạo ra sản phẩm hàng hóa cạnh tranh với nước ngoài.

Còn theo đánh giá của các cơ quan quản lý, các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước thường nghiên cứu tiếp nhận những thành tựu khoa học và công nghệ

của thế giới và vận dụng vào Việt Nam, ít công trình sáng tạo. Ngay cả những đề tài nghiên cứu có thể áp dụng vào thực tiễn, số kết quả nghiên cứu thỏa mãn các điều kiện cấp bằng bảo hộ trí tuệ cũng không nhiều.

Không những thế, các cá nhân và tổ chức KH&CN chưa sẵn sàng cho thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Thực tế cho thấy, hiện nay, sau khi hoàn thành nghiên cứu, đề tài được nghiệm thu thì coi như tác giả đã “xong việc”, vì thế, dù nhiều đề tài được đánh giá là có khả năng ứng dụng cao nhưng chưa có cơ chế ràng buộc chủ nhiệm đề tài với việc đưa đề tài vào ứng dụng, đồng thời hạn chế về kinh phí cũng khiến nhiều kết quả nghiên cứu chưa được triển khai ứng dụng thực tế.

2. Hạn chế thứ hai là: nguồn kinh phí chi cho KH&CN chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, các nguồn xã hội hóa còn thấp; đầu tư kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn còn dãn trải; chế độ chính sách thúc đẩy hoạt động nghiên cứu còn hạn chế... Chưa tạo được những nhóm nghiên cứu, tập thể nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản cũng như đội ngũ chuyên nghiệp trong việc chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất. Thủ tục hành chính liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học như: thủ tục thanh quyết toán, thủ tục cấp kinh phí nghiên cứu khoa học, định mức chi cho công tác nghiên cứu... chậm cải tiến. Mối liên kết giữa nhà khoa học - nhà quản lý - doanh nghiệp chưa chặt chẽ nên sản phẩm nghiên cứu chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp cũng như chưa được phổ biến ứng dụng hiệu quả.

Chi 2% ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN đã thể hiện sự quan tâm rất lớn của Nhà nước tới lĩnh vực này. Mặc dù chi ngân sách nhà nước đã ưu tiên nhiều hơn cho hoạt động KH&CN nhưng so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực thì nguồn lực đầu tư cho KH&CN ở nước ta vẫn còn khiêm tốn. Tổng đầu tư cho KH&CN bình quân đầu người của Việt Nam thấp hơn nhiều lần so với các

nước trên thế giới. Song, thực tế thì ngân sách chi cho hoạt động KH&CN hàng năm chưa tới 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Trong đó, nếu như năm 2006 tổng chi cho hoạt động này chiếm 1,85% ngân sách (5.429 tỷ đồng) thì đến năm 2014 chỉ còn 1,36% (tức 13.666 tỷ đồng).

Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất về nguồn lực tài chính chi cho KH&CN ở nước ta chính là sự khác biệt về cơ cấu đầu tư giữa khu vực công và tư. Nếu tính tổng mức đầu tư cho hoạt động KH&CN ở Việt Nam thì đầu tư của ngân sách chiếm khoảng 65-70%, trong khi đầu tư của khối doanh nghiệp chỉ bằng 50% đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Kinh phí của Nhà nước đầu tư cho KH&CN gồm hai nguồn là đầu tư phát triển và đầu tư sự nghiệp được giao cho hai bộ khác nhau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng kế hoạch, phân bổ kinh phí về đầu tư phát triển KH&CN còn đầu tư sự nghiệp KH&CN được giao cho Bộ KH&CN. Tại địa phương, kinh phí đầu tư phát triển KH&CN được giao cho đơn vị phụ trách về xây dựng cơ bản, quản trị thiết bị còn kinh phí sự nghiệp KH&CN được giao cho đơn vị khác. Điều đó cho thấy, cùng nguồn kinh phí đầu tư, cùng mục tiêu đầu tư nhưng lại giao cho hai cơ quan quản lý, điều hành. Hậu quả dẫn tới là đầu tư dàn trải, chòng chẹo, thiếu tính hệ thống, thiếu tập trung, thống nhất. Hơn nữa, cơ chế giám sát sử dụng kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN còn rất lạc hậu, chậm được đổi mới.

Mặt khác, kinh phí cho hoạt động KH&CN thường được phân bổ đều cho các tỉnh, thành phố và các bộ, ngành dựa trên số kinh phí giao năm trước mà không dựa vào những căn cứ, tiêu chí cụ thể, rõ ràng. Tổng kinh phí đầu tư phát triển từ ngân sách cho KH&CN lại cào bằng 50-50 giữa tổ chức KH&CN Trung ương và địa phương. Điều này dẫn tới một thực tế là tiềm lực KH&CN ở nhiều địa phương còn yếu, thiếu đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao nhưng vẫn được giao kinh phí khá lớn dẫn đến việc sử dụng không hết hoặc đầu tư cho các hạng mục công trình khác.

Trong khi đó, các bộ, ngành có tiềm lực KH&CN mạnh, đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao rất đông đảo thì kinh phí giao lại quá ít.

Không ít chuyên gia cho rằng, nguyên nhân khiến cho việc đầu tư ngân sách còn dàn trải, thiếu tập trung và thiếu sự gắn kết là do chưa có cơ chế sàng lọc nhiệm vụ nghiên cứu một cách hữu hiệu. Việc giao dự toán kinh phí các đề tài, dự án còn mang tính bình quân và chủ yếu được phân bổ theo đề xuất từ dưới lên, nhiều trường hợp chỉ để giải quyết thu nhập cho cán bộ nghiên cứu, chưa gắn với các định hướng phát triển KH&CN trung và dài hạn cũng như tầm quan trọng của các dự án, đề tài nghiên cứu. Chính sự phối hợp thiếu hiệu quả giữa bộ, ngành, địa phương trong việc xác định nhiệm vụ đã dẫn tới có những nhiệm vụ nội dung giống nhau nhưng không được kết hợp để thực hiện, gây lãng phí nguồn lực lớn.

Rõ ràng, nếu chỉ dựa vào nguồn lực từ ngân sách như giai đoạn vừa qua thì rất khó có thể tạo ra được đột phá, đưa KH&CN trở thành động lực quan trọng phát triển đất nước.

Theo ông Phạm Văn Sáng (Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Đồng Nai), mặc dù nhận thức được lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về doanh nghiệp nào biết ứng dụng và đầu tư công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, nhưng đến nay, việc nâng cao năng lực của doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn. Các chính sách của Nhà nước chưa thực sự hấp dẫn, thủ tục xin xét duyệt hỗ trợ còn rườm rà, mất thời gian, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và các nguồn hỗ trợ khác... Do vậy, nhiều doanh nghiệp chưa mặn mà với việc đầu tư cho KH c&CN mà chủ yếu vẫn tận dụng các trang thiết bị công nghệ cũ, gây ô nhiễm môi trường.

3. Khó khăn, hạn chế thứ ba của KH&CN là nguồn nhân lực chất lượng, nhất là các chuyên gia đầu ngành còn thiếu:

Theo điều tra của Bộ KH&CN, hiện tại, đội ngũ nhà khoa học có học hàm, học vị Giáo sư, Phó giáo sư hầu hết đều có tuổi đời gần 60. Số dưới 50 tuổi chỉ chiếm

12%. Số nhân lực có học vị tiến sĩ lên đến hơn 10.000 người song trình độ so với chuẩn quốc tế còn thấp. Đặc biệt, chỉ có khoảng 25% trong số đó có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh. Điều này khiến chúng ta thiếu một đội ngũ chuyên gia, tổng công trình sư cũng như các cán bộ trẻ có trình độ cao để kế cận.



Đông Nai tổ chức tôn vinh các trí thức tiêu biểu

Đặc biệt, đối với các nhà khoa học thuộc khu vực công, thu nhập được tính theo hệ thống thang, bảng lương mà chưa chú trọng đến yếu tố hiệu quả công việc. Do đó, không phản ánh đúng mức chênh lệch về trình độ chuyên môn cũng như công việc đang đảm nhiệm. Hiện tại, hệ số lương của Giáo sư, Phó giáo sư bình quân là 5,99 (tương ứng với tiền lương 4,97 triệu đồng/ tháng). Trong khi lương của Tiến sĩ, Thạc sĩ lần lượt là 4 và 2,9 triệu đồng. So với mức sống hiện nay, tiền lương trả cho nhà khoa học rõ ràng không đủ sống ở mức trung bình. Điều này dẫn tới việc khó thu hút được người có trình độ chuyên môn cao ở lại phục vụ lâu dài, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay.

Mặt khác, nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam, tháng 11/2014, Chính Phủ đã ban hành Nghị định về thu hút cá nhân hoạt động

KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam. Trong đó, có nhiều chính sách ưu đãi về lương bổng, điều kiện làm việc, nơi cư trú... Tuy nhiên vẫn rất khó thu hút bởi các nhà khoa học có tài thường được khắp nơi chào đón. Trong khi cơ chế làm việc của chúng ta chưa thực sự rõ ràng, điều kiện làm việc, nghiên cứu và cơ sở vật chất còn hạn chế, đồng lương chưa đủ hấp dẫn như các quốc gia khác.

Thời gian qua, Đồng Nai đặc biệt quan tâm tới phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Từ 2006, tỉnh đã có Chương trình đào tạo sau đại học. Tính đến nay, đã có 696 người hoàn thành chương trình đào tạo. Số học viên đạt loại xuất sắc, giỏi được UBND tỉnh khen thưởng chiếm 33%, loại khá chiếm 60%. 5 năm qua, chương trình đào tạo sau đại học đã tuyển chọn được 13 học sinh xuất sắc, cử đi đào tạo ở nước ngoài nhằm tạo nguồn cho tỉnh.

Song đến nay, một số chỉ tiêu của chương trình vẫn chưa cao, chưa đạt mục tiêu đề ra gồm: tỷ lệ đào tạo trình độ thạc sĩ ở nước ngoài đạt 35% kế hoạch; đào tạo bác sĩ chuyên khoa 2 đạt 23,7% kế hoạch; tỷ lệ đào tạo nguồn nhân lực đại học đạt 50% kế hoạch; tỷ lệ bác sĩ chuyên khoa 2 chưa đạt vì nguồn đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ của chuyên khoa 1 đang trong quá trình học tập chưa tốt nghiệp, trong khi số cán bộ trẻ mới tốt nghiệp đại học không theo học chuyên khoa mà thi thẳng vào trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; tỷ lệ thạc sĩ nước ngoài chưa đạt do yêu cầu về ngoại ngữ cao không đủ khả năng đáp ứng.

Giám đốc Sở KH&CN Phạm Văn Sáng cho biết, hiện tỉnh còn đang thiếu đội ngũ tiến sĩ, thạc sĩ và tạo nguồn tại nước ngoài, giỏi về trình độ chuyên môn và hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành ở các lĩnh vực mũi nhọn gồm: công nghệ sinh học, tin học, viễn thông, y tế, vật liệu mới. Do đó, thời gian tới sẽ tập trung đào tạo, đồng thời, sẽ mở rộng liên kết với các đối tác có uy tín về chất lượng đào tạo ở nước ngoài. Qua đó, tạo sự đột phá cho việc giải quyết nguồn nhân lực chất

lượng cao đối với nhu cầu trước mắt và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai của tỉnh nhà.

II. Đề xuất những giải pháp

1. Giải pháp về thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu:

Tại Việt Nam, việc thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu đã được khẳng định tại các kỳ họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X "phát triển thị trường Khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn các sản phẩm khoa học và công nghệ (từ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa. Từ năm 2000 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển. Các cơ chế chính sách và các văn bản pháp luật của Nhà nước ban hành đã có tác động tích cực tới thương mại hóa. Tuy nhiên, cơ chế, chính sách và pháp luật liên quan đến thương mại hóa do Nhà nước ban hành chưa được cá nhân và tổ chức KH&CN thực sự quan tâm.

Để thực hiện chủ trương trên, cán bộ nghiên cứu khoa học có trách nhiệm trong việc theo đuổi thương mại hóa kết quả nghiên cứu; tạo ra sự hấp dẫn hơn trong việc phân chia lợi nhuận, trong đó cán bộ nghiên cứu cần được phân chia lợi nhuận xứng đáng hơn trong việc chuyển giao kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Phía tổ chức KH&CN chủ trì nhiệm vụ KH&CN cần có trách nhiệm trong việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Bên cạnh đó cần thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển được tạo ra từ trong nước. “Chẳng hạn các dự án phát triển sử dụng ngân sách nhà nước không được nhập khẩu công nghệ nước ngoài vào Việt Nam nếu chứng minh được công nghệ được tạo ra từ trong nước không đạt đến các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật của dự án phát triển.

Một giải pháp nữa được nhiều người đưa ra, đó là cần có chính sách ưu tiên đối với công nghệ được tạo ra từ trong nước, đồng thời cấm mọi hành vi phân biệt đối xử và hạ thấp công nghệ được tạo ra từ trong nước trong việc đấu thầu, chỉ định thầu đối với các dự án phát triển kinh tế xã hội đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam. Nâng cao năng lực hấp thu công nghệ mới của doanh nghiệp...

Liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, cần quy định trách nhiệm về quản lý thương mại hóa các nhiệm vụ KH&CN đối với cơ quan quản lý KH&CN từ cấp trung ương đến địa phương. Hiện nay, sau khi nghiệm thu là một “khoảng trống” chưa được các cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN quan tâm đúng mức. Do đó, cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN cần định hướng tích cực hơn để các tổ chức KH&CN hướng các nghiên cứu của mình vào sản xuất, đời sống. Không những thế, việc đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong quản lý KH&CN là vấn đề cấp thiết trong thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển. Cơ chế tài chính trong quản lý KH&CN hiện nay đang mang tính chất hành chính hóa các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN. Việc chạy theo “năm tài chính” dẫn đến các ý tưởng và kết quả nghiên cứu KH&CN được ra đời khi chưa chín muồi và khó có thể thương mại hóa những kết quả thương mại hóa đã được ra đời trong hoàn cảnh như vậy.

Phát triển thị trường KH&CN theo hướng tạo điều kiện cho sự xuất hiện của hàng hóa trên thị trường KH&CN thông qua việc bảo đảm và thực thi quyền sở hữu công nghiệp. Tạo điều kiện hình thành hệ thống dịch vụ hỗ trợ thị trường như phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị (Techmart). Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN.

Thương mại hóa chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau từ yếu tố cá nhân, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển, các yếu tố thị trường của các sản phẩm và dịch vụ KH&CN cho đến cơ chế, chính sách của nhà nước. Chính vì thế, để thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu cần thực hiện đồng bộ các giải pháp.



Hiện sản phẩm dưa lưới thuộc đề tài “Xây dựng mô hình trồng dưa lưới trong nhà màng theo hướng VietGAP” tại khu Công nghệ sinh học Đồng Nai đã tham gia vào thị trường

2. Giải pháp về cơ chế tài chính

Thứ nhất cần đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho KH&CN, chứ nếu cứ dựa chính vào ngân sách thì sẽ tạo gánh nặng cho ngân sách. Xã hội hóa đầu tư cho KH&CN là chủ trương đúng đắn và cần thiết trong giai đoạn hiện nay, song làm thế nào để mục tiêu ấy đạt hiệu quả vẫn là băn khoăn của không ít người. Bởi nếu xã hội không có nhu cầu đối với hoạt động KH&CN thì xã hội hóa đầu tư cho hoạt động này sẽ không có định hướng, không có động lực. Điều đó đòi hỏi các nhà quản lý khi đổi mới thể chế và mô hình phát triển cần dựa trên nhu cầu ứng dụng

KH&CN, tạo động lực đổi mới sáng tạo và cạnh tranh cho doanh nghiệp. Có như vậy, sự quan tâm của xã hội, doanh nghiệp đối với KH&CN mới lớn dần lên, từ đó khơi dậy nguồn lực đầu tư cho hoạt động này.

Thứ hai, cần tập trung nguồn lực vào nơi làm việc hiệu quả, không phân biệt các đơn vị thuộc nhà nước hay bên ngoài. Tiến tới đổi mới cơ chế tài chính, ưu tiên các đề tài có tính ứng dụng cao, giảm đầu tư cắt khúc. Bởi, bấy lâu nay các nhà quản lý, nhà khoa học vẫn quan niệm lượng hơn chất nên nhiều năm qua, hầu như chỉ chú trọng quản lý đầu vào, buông lỏng đầu ra. Kết quả là sản phẩm các chương trình đầu tư trọng điểm cấp nhà nước không theo chuỗi thống nhất, ở dạng dàn trải, tức là ai có nhu cầu thì Nhà nước hỗ trợ nhưng không ghép lại với nhau để tạo thành sản phẩm chủ lực hay chuỗi giá trị.

Đặc biệt, cần chuyển mạnh sang việc cấp và quản lý kinh phí theo cơ chế quỹ phát triển KH&CN, đấu thầu, đặt hàng và khoán chi thực chất đến sản phẩm cuối cùng; bảo đảm chi đúng mục đích và hiệu quả. Quan trọng là nâng cao tính công khai, minh bạch, dân chủ trong quản lý tài chính, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với kết quả nghiên cứu KH&CN, tiến tới xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị KH&CN gắn với việc sử dụng kinh phí ngân sách. Việc hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo, công tác tài chính kế toán và trách nhiệm giải trình về kết quả nghiên cứu khoa học cũng là mục tiêu quan trọng được đặt ra.

Thứ ba, nguồn kinh phí cần tập trung vào các nhóm trọng tâm như: tạo sự đồng bộ về cơ chế chính sách, đặc biệt là cơ chế chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN; lựa chọn nội dung trọng tâm (như công nghệ sinh học trong nông nghiệp, phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghệ thông tin) và tập trung nguồn lực tài chính cùng với các cơ chế để có đóng góp thực sự cho sản xuất kinh doanh.

Thứ tư là áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cơ chế cạnh tranh, công khai, dân chủ. Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động KH&CN dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu. Hoàn thiện các quy định về thành lập và hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định, tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bảo đảm tính độc lập và khách quan của các Hội đồng. Đưa nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Thứ năm là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh; Khuyến khích thành lập các loại Quỹ phát triển KH&CN như Quỹ phát triển KH&CN tỉnh, Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển KH&CN.

Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN: Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh, các nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, chính sách và những lĩnh vực công ích do UBND tỉnh quy định. Sở KH&CN chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thống nhất việc xây dựng cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN, trình UBND tỉnh phê duyệt. Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN: Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Có cơ chế về việc trích lập Quỹ khen thưởng từ kinh phí sự nghiệp KH&CN để khen thưởng thỏa đáng đối với tổ

chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu được ứng dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Giải pháp tiếp theo là từng bước chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của Chính phủ, coi đây là kênh quan trọng thu hút vốn đầu tư xã hội vào hoạt động KH&CN; Hình thành và phát triển các tổ chức dịch vụ KH&CN và trung gian thị trường KH&CN. Để huy động nguồn vốn từ ngân sách địa phương cho hoạt động KH&CN thì trong thực hiện chủ trương tái cấu trúc đầu tư công ở tỉnh, cần đảm bảo theo hướng tăng đầu tư vốn từ ngân sách nhà nước cho KH&CN theo Quyết định 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên cơ sở giảm đầu tư vào các lĩnh vực khác kém hiệu quả; Có cơ chế thu hút đầu tư của khu vực tư nhân gồm doanh nghiệp và tư nhân tham gia đầu tư vào KH&CN. Ngoài ra, cần tăng cường thu hút các nguồn vốn khác từ các tổ chức quốc tế và nước ngoài.

3. Giải pháp về nhân lực

Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân lực KH&CN: Dành một khoản kinh phí thích đáng để đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, cán bộ KH&CN trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề phục vụ cho các ngành kinh tế trọng điểm và các lĩnh vực công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Tỉnh. Song, chúng ta cần tránh đầu tư một cách bừa bãi, đưa cán bộ đi học một cách tràn lan mà phải có sự thâm định, lựa chọn những cá nhân xuất sắc hoặc những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội. Nếu làm được chuyện này, đây có thể coi là một trong những phương án bền vững nhất để phát triển nguồn nhân lực phục vụ khoa học công nghệ nước nhà. Thực tế cho thấy, để tạo ra được một đội ngũ nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, đòi hỏi phải có sự đầu tư

rất lớn từ phía Nhà nước cũng như đơn vị chủ quản. “Tính trung bình, để đưa một cán bộ đi đào tạo trình độ cao học ở nước ngoài, 1 năm tiêu tốn khoảng 50 – 70 ngàn USD, tương đương với hơn 1 tỷ đồng. Đây là một số tiền tương đối lớn. Thế nhưng, nếu tính đến những lợi ích mà cán bộ này sau khi học xong có thể mang lại, số tiền này rất đáng để đầu tư.

Bên cạnh đó, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích mở các trường đại học, viện nghiên cứu quốc tế hoặc khu vực tại Tỉnh. Thu hút các viện nghiên cứu, trường đại học có uy tín của nước ngoài liên kết hoặc mở phân viện, phân hiệu hoặc tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực KH&CN tại Tỉnh.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực KH&CN, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.



Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai ký kết hợp tác với trường Đại học của Nhật bản trong đào tạo và nghiên cứu

Tiếp nữa là quan tâm thu hút chuyên gia nước ngoài phục vụ phát triển KH&CN: Ban hành chính sách thu hút chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tới Việt Nam nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng tham gia công tác đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, giữ các chức vụ quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4. Các giải pháp khác

Đó là đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển KH&CN: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo: làm tốt công tác tư tưởng để toàn xã hội hiểu và đề cao vai trò quốc sách hàng đầu của KH&CN trong phát triển kinh tế-xã hội, phát triển bền vững. Xác định đầu tư cho KH&CN là đầu tư cho phát triển bền vững, giành ưu tiên hàng đầu trong việc bố trí ngân sách cho KH&CN.

Đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải xuất phát từ nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh, của các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan ở mỗi thời kỳ. Phân công, phân cấp rõ ràng trong xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN của các ngành, các cấp trong tỉnh, tránh trùng lặp. Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN ưu tiên; Xác định rõ các nhiệm vụ KH&CN ưu tiên ở các cấp. Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN các cấp tổ chức việc trao đổi giữa các viện, trường, doanh nghiệp và cơ quan hoạch định chính sách để xác định các nhiệm vụ ưu tiên.

Phát triển mạnh mẽ tiềm lực KH&CN bằng cách tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh, Trung Tâm chiếu xạ của tỉnh, Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN tỉnh;...Đồng thời, phối hợp với Bộ

KH&CN, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam triển khai xây dựng Bảo tàng khoa học Quốc gia trên địa bàn tỉnh để làm tiền đề đề xuất nâng tầm quy hoạch khu vực Khu công nghệ cao chuyên ngành công nghệ sinh học tỉnh thành đô thị khoa học và giáo dục của quốc gia, nhằm tạo hiệu ứng số nhân từ việc quy tụ đội ngũ các nhà khoa học và trí thức phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Đồng thời có chính sách khuyến khích đầu tư các vườn ươm doanh nghiệp và các Trung tâm cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN, trong đó thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN theo hướng tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, tách nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN ra khỏi cơ quan hành chính, tăng cường chức năng giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ nhân lực quản lý nhà nước về KH&CN. Hoàn thiện tổ chức quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện. Tăng cường quản lý nhà nước về tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng và an toàn bức xạ, hạt nhân thông qua các hoạt động thanh, kiểm tra

Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước về KH&CN với các biện pháp: mở rộng hợp tác quốc tế nhằm phục vụ cho các hoạt động phát triển KH&CN trọng điểm của tỉnh như: Thu hút đầu tư công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, phòng chống vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả; Hợp tác về các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Xây dựng tiềm lực KH&CN, đào tạo và sử dụng chuyên gia nhằm nâng cao trình độ và bồi dưỡng cán bộ KH&CN phục vụ cho phát triển KT-XH của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến tri thức KH&CN: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân về vai trò của KH&CN trong sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh và đất nước. Tổ chức cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo của

Đảng và công tác quản lý nhà nước; tuyên truyền, phổ biến thành tựu tri thức KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-kinh tế miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; hướng dẫn, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động thông tin KH&CN. Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các trang thông tin điện tử về KH&CN; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin KH&CN. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ .

Xây dựng các chương trình liên kết giữa các Sở trong việc hình thành và phát triển sản xuất một số sản phẩm của vùng; đẩy mạnh hoạt động liên kết vùng trong hình thành chuỗi phát triển sản phẩm chủ lực của vùng, xác định vai trò vị thế của KH&CN trong từng công đoạn sản phẩm...

Tiếp tục đồng hành tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là về các công nghệ trong sản xuất. Tích cực thực hiện cải cách hành chính nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

LỜI KẾT

Hoàn thành xong bài dự thi này không chỉ chi tôi thêm hiểu biết về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai mà còn củng cố vững chắc thêm niềm tin của mình vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Mỗi chủ trương, quyết sách mà Đảng đưa ra đều là sự hội tụ của ý chí tập thể, lấy dân làm gốc và phục vụ tốt nhất cho cuộc sống người dân. Là một đảng viên, tôi tự nhủ sẽ luôn tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững lập trường tư tưởng, chính trị, đồng thời không ngừng rèn luyện, trau dồi thêm kiến thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp sức mình để thực hiện đạt các chủ trương, mục tiêu mà Đảng bộ tỉnh đã đề ra.